**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số …./QĐ-HVCSPT ngày …/…/2020*

*của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã số: 73 40 301

Trình độ đào tạo: Đại học

Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán

**3.1. Mục tiêu**

**3.1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân đại học Ngành kế toán chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán - kiểm toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian); có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ( FDI), làm kế toán ở các đơn vị xây lắp, xây dựng hoặc các đơn vị hành chính sự nghiệp công lập.

**3.1.2. Mục tiêu cụ thể**

***3.1.2.1. Về kiến thức***

Cử nhân chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội và nhân văn; những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán và kiểm toán trong các loại hình đơn vị kế toán, kiểm toán (Doanh nghiệp trong nước, cty FDI, Đơn vị sự nghiệp công lập, DN xây lắp, công ty kiểm toán, chuyên gia tư vấn kế toán, kiểm toán...), có ý thức và trình độ chuyên môn, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để tối đa hóa lợi ích của đơn vị kế toán kiểm toán trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

***3.1.2.2. Về kỹ năng***

Cử nhân ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán được trang bị những kỹ năng để có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo.

***3.1.2.3. Về thái độ***

Cử nhân ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán cần có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

***3.1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp***

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán có thể làm cán bộ kế toán, tài chính, kiểm toán trong các tổ chức như :

+ Khu vực doanh nghiệp

+ Khu vực công gồm cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp có thu.

+ Tổ chức phi phính phủ

+ Hành nghề độc lập khi học thêm các chứng chỉ hành nghề về kiể toán, kế toán.

+ Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

***3.1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học***

Đạt trình độ về ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu chuyên ngành.

**3.2. Chuẩn đầu ra**

***3.2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình***

*3.2.1.1. Về kiến thức*

a. Kiến thức cơ bản

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

[6] Nắm được những nội dung cơ bản về tin học văn phòng, về công nghệ thông tin, nắm được kiến thức cơ bản về ngoại ngữ để phục vụ vào công việc.

b. Kiến thức chuyên sâu

[7]. Vận dụng được những kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội và kiến thức cơ sở ngành Kế toán như tài chính - Tiền tệ - Ngân hàng, thuế, thống kê,… làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của chuyên ngành kế toán, kiểm toán và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn

[8] Hiểu và vận dụng được những kiến thức về luật, chuẩn mực, chế độ kế toán - kiểm toán của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán.

[9] Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán, tổ chức một cuộc kiểm toán độc lập, hành nghề kế toán, kiểm toán, trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính - sự nghiệp;

[10] Vận dụng các kiến thức về lập dự toán và kế hoạch tài chính trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính - sự nghiệp;

[11] Vận dụng kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tài chính và kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp.

[12] Vận dụng kiến thức xây dựng và đánh giá hệ thống kiểm soát nội trong các loại hình doanh nghiệp.

*3.2.1.2. Về kỹ năng*

a. Kỹ năng nghề nghiệp

[13] Có kỹ năng tư duy, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán, thuế, trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp.

[14] Có kỹ năng thực hiện toàn bộ công việc kế toán, kiểm toán và thuế trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

[15] Kỹ năng lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính, phân tích kinh doanh; Kỹ năng tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và ra quyết định kinh tế-tài chính.

b. Kỹ năng mềm

[16]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành… đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

[17]. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[18]. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

*2.2.1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

[19]. Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; luôn chủ động và sáng tạo trong công việc và cuộc sống.

[20]. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo, có khả năng đưa ra được kết luận về chuyên môn ở mức độ căn bản và một số vấn đề ở mức độ chuyên sâu.

**Mục tiêu đào tạo và Cơ hội việc làm chuyên ngành kế toán- kiểm toán**

Kế toán - Kiểm toán là một trong những ngành nghề mang tính đặc thù và đóng vai trò vô cùng quan trọng trong mọi hoạt động của các đơn vị, tổ chức kinh doanh. Bất kỳ doanh nghiệp hay đơn vị hành chính sự nghiệp nào cũng phải thực hiện công tác hạch toán kế toán. Do vậy, nhu cầu nhân sự ngành kế toán, kiểm toán chưa bao giờ là hết ‘‘hot’’.

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, cùng với thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra rất nhiều cơ hội cho sinh viên chuyên ngành kế toán kiểm toán, cụ thể:

Với thành tựu của cuộc CMCN 4.0 với hệ thống mạng không dây, dữ liệu số hóa sẽ giúp công việc kế toán, kiểm toán không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý. Theo đó, kế toán viên, kiểm toán viên (KTV) tại Việt Nam có thể thực hiện các phần hành công việc kế toán, kiểm toán ở bất cứ đất nước nào trên toàn thế giới.

Các tổ chức hiệp hội ngành nghề kế toán, kiểm toán, các công ty cung cấp dịch vụ kế toán kiểm toán ngày càng nhiều.

 Hơn nữa, cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán, đòi hỏi Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết phải ngày càng minh bạch và đáng tin cậy, đồng thời phải được xác minh bởi các công ty kiểm toán độc lập. Điều này dẫn đến nhu cầu nhân lực trong ngành kiểm toán cũng ngày càng tăng.

 Bên cạnh nhu cầu gia tăng không ngừng về số lượng, thì yêu chất lượng nhân sự ngành kế toán, kiểm toán cũng đòi hỏi ngày càng cao.

Xuất phát từ những cơ hội và thách thức trên, Chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán thuộc Khoa tài chính- Đầu tư Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư với đội ngũ giáo viên tâm huyết, giàu kinh nghiệm luôn đổi mới và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy đáp ững nhu cầu thực tiễn, chương trình tạo sẽ được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa lý thuyết nền tảng với vận dụng thực tế. Phát triển việc dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, lấy người học làm trung tâm. Trong quá trình học, sinh viên được tiếp xúc thực tế với hóa đơn chứng từ của doanh nghiệp và được thực hành trực tiếp trên phần mềm kế toán, phần mềm excel…Học viện luôn chú trọng nhân lực ngành kế toán - kiểm toán có chất lượng cao với chuẩn đầu ra như sau:

* **Thái độ hành vi**: Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành quy định của Pháp luật, có tính thần trách nhiệm cao và có đạo đức nghề nghiệp.
* **Kỹ năng Tin học, ngoại ngữ**: Sinh viên được trang bị kiến thức ngoại ngữ hiện đại (tiếng Anh theo chuẩn TOEIC - 650 điểm) và tin học chuẩn IC3 để có khả năng làm việc phù hợp với xu hướng hội nhập, toàn cầu hoá.
* **Về kiến thức chuyên môn:**
* Kiến thức kế toán, phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, kiểm toán.
* Thiết kế hệ thống thông tin kế toán cho các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính – sự nghiệp;
* Thiết kế, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính – sự nghiệp;
* Xác lập các chính sách, chế độ kế toán, kiểm toán nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị hành chính – sự nghiệp;
* Tổ chức một cuộc kiểm toán độc lập.
* Hành nghề kế toán, kiểm toán.

**- Về cơ hội nghề nghiệp và vị trí tuyển dụng**

* Kế toán tổng hợp, kế toán các phần hành trong phòng kế toán của tất cả các loại hình doanh nghiệp;
* Nhân viên cho các Công ty hành nghề kế toán;
* Trợ lý kiểm toán trong các Công ty kiểm toán;
* Phụ trách bộ phận kiểm toán nội bộ của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại; Kiểm soát viên, thanh tra viên, kế toán viên trong các cơ quan.
* Giảng viên giảng dạy các môn học về kế toán, phân tích, kiểm toán cho các trường đại học, cao đẳng, trung học khối kinh tế và quản trị kinh doanh;
* Làm nhân viên phụ trách công tác tài chính trong các đơn vị;
* Làm nhân viên trong các cơ quan quản lý hoạt động kế toán, kiểm toán của Nhà nước
* Khả năng hoà nhập và thích ứng cao với môi trường công tác, có khả năng tự cập nhật những qui định mới và kiến thức mới trong lĩnh vực công tác;
* Khả năng học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Khả năng tiếp tục học tập ở bậc đào tạo cao hơn.

|  |
| --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN** |
|
| **STT** | **Mã số** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Học kỳ** |
| **1. Giáo dục chuyên nghiệp bắt buộc** |
| 1 | TCHC08 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 3 | 6 |
| 2 | TCKT29 | Kế toán tài chính 2 | 3 | 7 |
| 3 | KTTH01 | Kế toán thực hành | 3 | 7 |
| 4 | TCTH01 | Kế toán thuế | 3 | 7 |
| 5 | TCKT27 | Kiểm toán tài chính | 3 | 6 |
| 6 | TCPT08 | Phân tích báo cáo tài chính | 3 | 7 |
| 7 | CSCS11 | Chính sách công | 3 | 4 |
| 8 | TODL01 | Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh | 3 | 5 |
| 9 | KHMI03 | Kinh tế vi mô 2 | 3 | 3 |
| 10 | TCTT23 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ | 3 | 3 |
| 11 | TCKT01 | Nguyên lý kế toán | 3 | 4 |
| 12 | LUKT02 | Pháp luật kinh tế | 3 | 4 |
| 13 | QLCD01 | Chuyên đề thực tế | 2 | 6 |
| 14 | TCKQ01 | Kế toán quản trị | 3 | 5 |
| 15 | TCKH04 | Kế toán tài chính | 3 | 5 |
| 16 | KTCB01 | Kiểm toán căn bản | 3 | 6 |
| 17 | TCDN03 | Tài chính doanh nghiệp | 3 | 4 |
| 18 | TCTH11 | Thuế | 3 | 6 |
| **2. Giáo dục chuyên nghiệp lựa chọn** |
| 19 | TCĐG01 | Định giá tài sản | 3 | 6 |
| 20 | TCKT05 | Kế toán ngân hàng | 3 | 7 |
| 21 | TCKT30 | Kế toán quốc tế | 3 | 6 |
| 22 | QTKS07 | Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo | 3 | 4 |
| 23 | KTNB01 | Kiểm toán nội bộ | 3 | 7 |
| 24 | QHĐL07 | Địa lý Kinh tế | 3 | 4 |
| 25 | KHĐT05 | Kinh tế đầu tư | 3 | 4 |
| 26 | TOKT05 | Kinh tế lượng | 3 | 3 |
| 27 | QTMC02 | Marketing căn bản | 3 | 4 |
| 28 | TONL08 | Nguyên lý thống kê kinh tế | 3 | 4 |
| 29 | QTHO06 | Quản trị học | 3 | 3 |
| 30 | NHTM02 | Ngân hàng thương mại | 3 | 6 |
| 31 | TCQT12 | Tài chính quốc tế | 3 | 5 |
| 32 | TCTĐ17 | Thẩm định dự án đầu tư | 3 | 5 |
| 33 | TCCK25 | Thị trường chứng khoán | 3 | 6 |
| 34 | NNKD05 | Tiếng Anh trong kinh doanh | 3 | 5 |
| 35 | TCKT31 | Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp | 3 | 5 |
| **3. Giáo dục đại cương bắt buộc** |
| 36 | THCN06 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 |
| 37 | THKT05 | Kinh tế Chính trị Mác - Lênin | 2 |   |
| 38 | KHMI01 | Kinh tế vi mô 1 | 3 | 1 |
| 39 | KHMA02 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 | 2 |
| 40 | THLĐ07 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2 | 3 |
| 41 | TOLT07 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3 | 3 |
| 42 | LUĐC01 | Pháp luật đại cương | 3 | 1 |
| 43 | PPNC01 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 2 |
| 44 | TACB02 | Tiếng Anh cơ bản 2 | 3 | 2 |
| 45 | TACB03 | Tiếng Anh cơ bản 3 | 3 | 3 |
| 46 | TACB04 | Tiếng Anh cơ bản 4 | 3 | 4 |
| 47 | TOĐC06 | Tin học đại cương | 3 | 1 |
| 48 | TOCC05 | Toán cao cấp | 3 | 1 |
| 49 | THML04 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 1 |
| 50 | THTT02 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 |
| **4. Giáo dục quốc phòng bắt buộc** |
| 51 | GDQP02 | Giáo dục quốc phòng | 8 |   |
| **5. Giáo dục thể chất bắt buộc** |  |  |  |  |
| 52 | GDTC08 | Giáo dục thể chất 1 | 2 | 1 |
| 53 | GDTC06 | Giáo dục thể chất 2 | 2 | 2 |
| 54 | GDTC07 | Giáo dục thể chất 3 | 2 | 3 |
| **6. Không tính điểm bắt buộc** |
| 55 | TACB01 | Tiếng Anh cơ bản 1 | 3 | 1 |
| **7. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp bắt buộc** |
| 56 | KLTN | Khóa luận tốt nghiệp | 6 | 8 |
| 57 | TTTN01 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | 8 |

* **Khối lượng kiến thức toàn khóa:**
* Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ
* **Đối tượng tuyển sinh:**
* Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.
* **Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**
* Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.
* **Cách thức đánh giá (thang điểm)**
* Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.
* **Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo**
* Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ

Trong đó:

* Kiến thức giáo dục đại cương 41 tín chỉ (không bao gồm GD thể chất và GD quốc phòng)
* Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ
* Kiến thức cơ sở ngành 32 tín chỉ
	+ Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc 26 tín chỉ
	+ Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn 6 tín chỉ
* Kiến thức ngành 27 tín chỉ
	+ Kiến thức ngành bắt buộc 21 tín chỉ
	+ Kiến thức ngành lựa chọn 6 tín chỉ
* Kiến thức chuyên ngành 21 tín chỉ
	+ Kiến thức chuyên ngành bắt buộc 15 tín chỉ
	+ Kiến thức chuyên ngành lựa chọn 6 tín chỉ
* Thực tập và Khoá luận 10 tín chỉ